

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN H
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/KDTM-ST

Ngày: 03/3/2021

“V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN H – THÀNH PHỐ HÀ NỘI.

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân Phương**.

Hội thẩm nhân dân: - Ông **Nguyễn Sơn Hóa**.

- Bà **Phạm Thị Trinh**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Bích Huệ** – Thư ký Tòa án.

Đại diện VKSND quận H tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hải Yên** – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở, Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 49/2020/TLST-KDTM ngày 05 tháng 8 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/QĐXX ngày 31 tháng 12 năm 2020; quyết định hoãn phiên tòa số 04 ngày 19/01/2021; quyết định hoãn phiên tòa số 08 ngày 04/02/2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V

Địa chỉ: Số 89 L, phường L, quận Đ, Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D– Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn A– Phó Giám đốc Trung tâm xử lý nợ pháp lý theo văn bản ủy quyền số 11/2018/UQ-HĐQT ngày 02/3/2018.

- Ông Phạm Tuấn A ủy quyền lại cho ông Phan Văn N và ông Đỗ Văn K theo văn bản ủy quyền số 7192/UQ-VPB ngày 15/10/2019.

(Ông Đỗ Văn K có mặt).

* Bị đơn: Công ty cổ phần B.

Địa chỉ: Số 200 Trần Đ, khu đô thị mới Đ, phường Đ, quận H, Thành phố Hà Nội;

Đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Văn B- Giám đốc.

(Ông Hoàng Văn B vắng mặt).

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Hoàng Văn B- sinh năm 1982.

HKTT: Số 2D, ngõ 337/73/4, phố Đ, quận H, Thành phố Hà Nội;
Nơi cư trú: Số 200 Trần Đ, phố Đ, phường Đ, quận H, Thành phố Hà Nội; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản tố tụng khác, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Vtrình bày:

Theo hợp đồng tín dụng số 081016-3127466-01-SME ngày 11/10/2016 và khế ước nhận nợ số 081016-3127466-01-SME ngày 11/10/2016, Công ty cổ phần B vay vốn của Ngân hàng V với tổng số tiền là 250.000.000 đồng.

- Thời hạn hạn vay: 36 tháng.
- Lãi suất tín dụng: Được xác định theo mức lãi suất do Ngân hàng quy định theo từng thời kỳ.

Biện pháp bảo đảm cho khoản vay trên: Theo hợp đồng bảo lãnh số 081016-3127466-01-SME/HĐBL ngày 11/10/2016 bên bảo lãnh là ông Hoàng Văn B đã đồng ý dùng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho Công ty cổ phần B trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ bao gồm: Trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại, các chi phí và tất cả các nghĩa vụ khác của Công ty cổ phần B với Ngân hàng V phát sinh từ hợp đồng tín dụng số 081016-3127466-01-SME ngày 11/10/2016 và văn bản tín dụng khác ký giữa công ty BTB Việt Nam và Ngân hàng V bao gồm cả các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung, khế ước nhận nợ và văn bản liên quan.

Quá trình thực hiện hợp đồng: Công ty cổ phần B đã thanh toán một phần tiền nợ gốc và lãi cho đến ngày 25/02/2017, kể từ ngày 26/02/2017 Công ty cổ phần B vi phạm không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng V. Do đó Ngân hàng V đã chuyển toàn bộ khoản vay sang nợ quá hạn với mức lãi suất quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ.

Đề nghị: Căn cứ Điều 342, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, các tài liệu chứng cứ kèm theo. Yêu cầu Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội.

Buộc Công ty cổ phần B thanh toán cho Ngân hàng V toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả lãi và các khoản phát sinh liên quan theo các hợp đồng tín dụng Ngân hàng V đã ký với Công ty cổ phần B nêu trong đơn khởi kiện. Quá trình làm việc tại Tòa án Ngân hàng V đã rút yêu cầu đối với phần tiền phạt chậm trả lãi. Tạm tính đến ngày 01/10/2019 yêu cầu Công ty cổ phần B phải thanh

toán. Cụ thể:

Nợ gốc 222.222.224 đồng;

Nợ lãi 171.196.360 đồng;

Tổng cộng là 393.418.584 đồng;

Nếu Công ty cổ phần BTB Việt Nam không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng V, đề nghị Tòa án buộc ông Hoàng Văn B có nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty cổ phần B toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, và các khoản phát sinh liên quan theo hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã nêu trong đơn khởi kiện;

Tòa án tiếp tục tính lãi theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ nêu trên cho đến ngày Công ty cổ phần B thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng V;

Trong trường hợp Công ty cổ phần B và anh Hoàng Văn B thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng V, ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành xác minh, kê biên, thu giữ, phát mại tài thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Công ty cổ phần B và anh Hoàng Văn B để thu hồi khoản nợ.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Đại diện nguyên đơn Ngân hàng TMCP V giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, tính đến ngày 03/3/2021, buộc Công ty cổ phần B thanh toán cho Ngân hàng V số tiền như sau: Nợ gốc 222.222.224đ; Nợ lãi 261.498.106đ (trong đó lãi trong hạn 3.724.523đ; lãi quá hạn 257.773.583đ); Tổng cộng là 483.720.330đ (Bốn trăm tám ba triệu bảy trăm hai mươi nghìn ba trăm ba mươi nghìn đồng).

Nếu Công ty cổ phần B không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng V, đề nghị Tòa án buộc ông Hoàng Văn B có nghĩa vụ trả nợ thay Công ty cổ phần B toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi và các khoản phát sinh liên quan theo Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ nêu trên.

Tòa án tiếp tục tính lãi theo thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay và Khế ước nhận nợ nêu trên đến ngày Công ty cổ phần B thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng V.

Trong trường hợp Công ty cổ phần B và ông Hoàng Văn B không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng V, Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành xác minh, kê biên, thu giữ, phát mại tài sản thuộc quyền sở hữu/sử dụng của Công ty CP Điện công nghiệp Việt Nam và ông Hoàng Văn B để thu hồi khoản nợ vay.

- Đại diện VKSND quận H tham gia phiên tòa, phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tổ tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm và việc tuân theo pháp luật của các đương sự; Đồng thời đề xuất hướng giải quyết

vụ án như sau:

+ Việc thụ lý vụ án của Tòa án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện việc giao thông báo của Tòa án cho các đương sự, tiến hành các bước tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn giải quyết vụ án đúng quy định.

+ Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ, đúng trình tự tố tụng.

+ Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chấp hành các thông báo của Tòa án. Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không chấp hành và đều vắng mặt.

Đề xuất hướng giải quyết vụ án:

Căn cứ trình bày của các đương sự, tài liệu chứng cứ trong hồ sơ xác định hợp đồng tín dụng theo Giấy đề nghị kèm hợp đồng tín dụng không có tài sản bảo đảm ngày 11/10/2016 và các văn bản tín dụng kèm theo, các giấy nhận nợ và hợp đồng bảo lãnh đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật do vậy có hiệu lực thi hành với các bên.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn khoản tiền nợ gốc, tiền lãi. Tổng cộng là 483.720.330đ. Trong đó: Nợ gốc 222.222.224đ; Nợ lãi 261.498.106đ (lãi trong hạn 3.724.523đ; lãi quá hạn 257.773.583đ). Trường hợp bị đơn không trả được nợ thì Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản của người bảo lãnh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa. Sau phân hỏi và tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

{1} Về tố tụng: Ngân hàng TMCP Vkhởi kiện Công ty cổ phần B theo Giấy đề nghị kèm hợp đồng tín dụng không có tài sản bảo đảm ngày 11/10/2016 và các văn bản tín dụng kèm theo. Công ty cổ phần B có đăng ký kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, thay đổi lần thứ 1, ngày 24/01/2013 và hiện vẫn đang hoạt động tại địa chỉ: Số 200 Trần Đ, khu đô thị mới Đ, phường Đ, quận H, Thành phố Hà Nội. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận H theo quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết Tòa án nhân dân quận H đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn Công ty cổ phần B, và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn Bôn, tuy nhiên Công ty cổ phần B và ông Hoàng Văn B không đến Tòa trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V và các buổi làm việc Công ty cổ phần B, và ông Hoàng Văn

Điều vắng mặt không có lý do, nên Tòa án không tiến hành hoà giải được. Vì vậy Tòa án nhân dân quận Hra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

{2} Về nội dung vụ án:

{2.1}. Về hình thức của hợp đồng: Căn cứ lời trình bày của các bên đương sự, tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận thấy: Ngân hàng TMCP V và Công ty cổ phần B có ký hợp đồng tín dụng không có tài sản bảo đảm ngày 11/10/2016 và các văn bản tín dụng kèm theo, hạn mức tín dụng 250.000.000 (Hai trăm năm mươi triệu đồng), thời hạn vay 36 tháng: Được xác định theo mức lãi suất do Ngân hàng quy định theo từng thời kỳ.

Hội đồng xét xử nhận thấy theo các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thể hiện giữa nguyên đơn và bị đơn có ký hợp đồng tín dụng không có tài sản bảo đảm ngày 11/10/2016 và các văn bản tín dụng kèm theo là hoàn toàn tự nguyện, các điều khoản hai bên thỏa thuận trong hợp đồng đều đáp ứng đủ điều kiện chủ thể ký kết hợp đồng và phù hợp với nội dung quy định tại Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010. Nội dung trong hợp đồng không trái đạo đức xã hội, không trái pháp luật, do vậy hợp đồng tín dụng không có tài sản bảo đảm ngày 11/10/2016 và các văn bản tín dụng kèm theo có hiệu lực pháp luật và các bên phải có nghĩa vụ chấp hành.

{2.2} Quá trình thực hiện Hợp đồng: Công ty cổ phần B vi phạm không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng V kể từ ngày 26/02/2017. Do đó, Ngân hàng V đã chuyển toàn bộ khoản vay sang nợ quá hạn với mức lãi suất quá hạn theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và các Khế ước nhận nợ là đúng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Sau khi xem xét bảng tính lãi xuất do Ngân hàng cung cấp tính đến ngày 03/3/2021, Ngân hàng yêu cầu Công ty cổ phần B thanh toán số tiền như sau: Nợ gốc 222.222.224đ; Nợ lãi 261.498.106đ (trong đó lãi trong hạn 3.724.523đ; lãi quá hạn 257.773.583đ); Tổng cộng là 483.720.330đ (Bốn trăm tám ba triệu bảy trăm hai mươi nghìn ba trăm ba mươi nghìn đồng).

Hội đồng xét xử thấy theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng của các bên và căn cứ tính lãi của Ngân hàng V là đúng quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2005. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V đối với số tiền Nợ gốc 222.222.224đ; Nợ lãi 261.498.106đ (trong đó lãi trong hạn 3.724.523đ; lãi quá hạn 257.773.583đ); Tổng cộng là 483.720.330đ (Bốn trăm tám ba triệu bảy trăm hai mươi nghìn ba trăm ba mươi nghìn đồng) tính từ ngày 26/02/2017 của Công ty cổ phần B theo hợp đồng tín dụng không có tài sản bảo đảm ngày 11/10/2016 và các văn bản tín dụng kèm theo đã ký kết giữa hai bên là phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

{2.3} Về nghĩa vụ bảo lãnh:

Biện pháp bảo đảm khoản vay nêu trên là: Theo Hợp đồng bảo lãnh số 081016-3127466-01-SME/HĐBL ngày 11/10/2016: ông Hoàng Văn Bồng ý dùng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho Công ty cổ phần B trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ bao gồm: trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại, các chi phí và tất cả các nghĩa vụ khác của Công ty cổ phần B với Ngân hàng V phát sinh từ hợp đồng tín dụng không có tài sản bảo đảm ngày 11/10/2016 và các hợp đồng, văn bản tín dụng khác ký giữa Công ty cổ phần B và Ngân hàng V bao gồm cả các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung, các khế ước nhận nợ và văn bản liên quan. Điều khoản đảm bảo cho khoản vay phù hợp với quy định về bảo lãnh tại Điều 342 Bộ luật dân sự năm 2015 nên có hiệu lực thi hành. Trường hợp Công ty cổ phần B không trả các khoản nợ cho Ngân hàng TMCP V thì Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu ông Hoàng Văn B thực hiện nghĩa vụ của người bảo lãnh và ông Hoàng Văn B phải thực hiện nghĩa vụ này thay cho công ty BTB V.

Kể từ ngày tiếp theo ngày tuyên án sơ thẩm, Công ty cổ phần B phải chịu lãi suất của số tiền nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán hết khoản nợ vay.

{2.4} Về án phí và quyền kháng cáo: Công ty cổ phần B phải chịu án phí Kinh doanh sơ thẩm theo quy định tại tiết c điểm 1.4 Mục II, Phần A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án Ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Công ty cổ phần B phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 20.000.000 đồng + 83.720.330 đồng x 4% = 23.348.813 đồng.

Ngân hàng TCMP Việt Nam Thịnh Vượng không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại Ngân hàng TMCP V (VP Bank) 9.835.000đ tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005836 ngày 05/8/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận H, TP Hà Nội.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bởi các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 342, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ khoản 1 Điều 157 Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ điểm c khoản 1.4 Mục II, Phần A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án Ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: 1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V

Buộc Công ty cổ phần B phải trả Ngân hàng TMCP V khoản tiền tính đến ngày 03/3/2021 là: Nợ gốc 222.222.224đ; Nợ lãi 261.498.106đ (trong đó lãi trong hạn 3.724.523đ; lãi quá hạn 257.773.583đ); Tổng cộng là 483.720.330đ (Bốn trăm tám ba triệu bảy trăm hai mươi nghìn ba trăm ba mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bên phải thi hành án phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Trong trường hợp Công ty cổ phần B không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ các khoản tiền nêu trên thì Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu ông Hoàng Văn B thực hiện nghĩa vụ của người bảo lãnh.

2. Về án phí:

Công ty cổ phần B phải chịu án phí Kinh doanh sơ thẩm là 23.348.813đ (Hai mươi ba triệu ba trăm bốn mươi tám nghìn tám trăm mười ba đồng)

Trả lại Ngân hàng TMCP V 9.835.000đ (Chín triệu tám trăm ba mươi lăm nghìn đồng tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005836 ngày 05/8/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận H, Thành phố Hà Nội.

Ngân hàng TMCP V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Công ty cổ phần B có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết công khai.

Ông Hoàng Văn B có quyền kháng cáo về những vấn đề liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND quận H;
- Chi cục THA dân sự quận H;
- Đường sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

Nguyễn Xuân Phương